TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGD-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Khánh
2. Ông Nguyễn Ngọc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh H, sinh năm 1972 – Có mặt tại phiên toà.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Giang

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H:* Luật sư Nguyễn Văn Hải – Văn phòng luật sư Hải và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang – Có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1979 – Có mặt tại phiên toà.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Đang lao động tại: Số nhà 2, tầng 2, ngõ 24, đoạn 2, đường Nh, quận C, thành phố B, Đài Loan.

Hiện đang về nghỉ phép tại Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh H trình bày: Ngày 19/11/1999, anh và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn tại

UBND xã N. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Khi đó anh đang đi lao động tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, chị T ở nhà tự ý làm một số việc mà không hỏi ý kiến chồng. Cuối năm 2016, anh trở về nhà, hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do chị T có hành vi đe dọa, đầu độc chồng nên anh đã yêu cầu chị T ra khỏi nhà. Sau đó, chị T đã tự ý bàn bạc với người thân đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan mà không hỏi ý kiến và không được sự đồng ý của anh. Từ đó đến nay, chị T không hề liên lạc về gia đình nhà chồng. Anh và chị T đã sống ly thân từ lâu.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

* Cháu Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001.

* Cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009.

Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh H ngày 19/11/1999, trước khi cưới có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Những năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và có 02 con chung. Từ năm 2016, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Anh H có đánh chửi và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải về nhà đẻ ở. Đến tháng 7/2017 chị đã sang lao động tại Đài Loan. Từ đó vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn chị đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Vợ chồng có 02 con chung:

* Cháu Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001.

* Cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009.

Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn anh H vẫn giữa yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị T vì hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đang sống ly thân. Về con chung, anh H đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng 02 con chung là cháu Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001 và cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009; anh H yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng. Về tài sản, công nợ không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn Hải trình bày một số tình tiết, chứng cứ và quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị đang lao động tại Đài Loan, hiện chị đang về Việt Nam nghỉ phép, đến tháng 9/2019 là chị hết thời hạn hợp đồng lao động. Việc chị sang Đài Loan làm việc là do anh H đánh đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải đi sang Đài Loan làm giúp việc để kiếm tiền. Nay anh H đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung, chị đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được nuôi cả 02 con chung là cháu Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001 và cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản công nợ chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng quy định; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Phạm Thị T. Về con chung: Giao anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001. Giao chị Phạm Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009. Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, tố tụng: Anh H làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị T hiện đang lao động tại Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T đã đăng ký kết hôn ngày 19/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Nghĩa Hưng, huyện G, tỉnh Bắc Giang nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, Anh H đi làm trong Thành phố Hồ Chí Minh, hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, anh H đã yêu cầu chị T ra khỏi nhà. Từ tháng 7/2017, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó hai vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và về kinh tế và sống ly thân từ đó tới nay. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà anh H và chị T thống nhất thuận tình ly hôn nên cần công nhận thoả thuận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Phạm Thị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị T có 02 con chung là Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001 và Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009. Hiện tại cả hai con chung đều đang ở với anh H. Anh H yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng. Xét việc yêu cầu nuôi con chung của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Chị T hiện đã về Việt Nam và có ý kiến không đồng ý với yêu cầu của anh H về con chung. Chị T cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đồng Thị Ph và cháu Đồng Thị Ng đều có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Như vậy, cả anh H và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh H, chị T là nguyện vọng chính đáng của người làm bố, làm mẹ tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi bên về việc giao con sau ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho anh H và chị T mỗi người nuôi 01 con là phù hợp với pháp luật, giao cho anh H nuôi con Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001, giao cho chị T nuôi con Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009. Anh H và chị T hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh H và chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H và chị T thực hiện quyền này. Nếu sau này người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Đồng Thị Ph, sinh ngày 26/8/2001. Giao chị Phạm Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày 22/5/2009. Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở Huynh, chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000254 ngày 21/3/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện G, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên